TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/KDTM-ST

Ngày: 03/8/2022

V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà ***Đoàn Thị Thanh Hà.***

Các Hội thẩm nhân dân: Bà ***Tô Thị Lành*** và bà ***Trần Thị Ánh Tuyết.***

- Thư ký phiên tòa: Bà ***Đặng Thị Lệ Quyên*** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà ***Cao Thảo Nga*** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án 34/2021/TLST-KDTM ngày 16 tháng 4 năm 2021 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST-KDTM ngày 12/7/2022, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (viết tắt là Ngân hàng BIDV); địa chỉ: Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn Q- Giám đốc Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Gia Lai. Địa chỉ: 117 đường T, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện hợp lệ theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Võ Thị T- Chuyên viên phòng KHCN 1 thuộc chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Nam Gia Lai. Theo Quyết định ủy quyền số 832/QĐ-BIDV.NGL ngày 14/7/2021 của Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Nam Gia Lai. Có mặt.

2.Bị đơn: Bà Phùng Thị A, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn T, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2021 và tại phiên tòa người đại diện hợp lệ theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Võ Thị T trình bày: Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017/9879928/HĐTD ngày 20/06/2017, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam đã cho bà Phùng Thị A vay số tiền là 1.300.000.000 đồng

(Một tỷ ba trăm triệu đồng chẵn). Mục đích: mua bán hàng phân bón; thời hạn vay 11 tháng (ngày giải ngân: 20/06/2017, ngày trả nợ gốc: 20/05/2018). Lãi suất cho vay là 9,5%/năm được cố định đến hết ngày 31/8/2017, từ ngày 01/9/2017 trở đi lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất FTP bán vốn kỳ hạn 11 tháng do Hội sở chính Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) thông báo, cộng thêm phí Ngân hàng là 3,3%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ vào ngày 01 của tháng cuối quý (khi lãi suất FTP bán vốn kỳ hạn 11 tháng của BIDV thay đổi). Lãi suất nợ quá hạn: 120% lãi suất trong hạn; lãi chậm trả: 10%/năm. Ngày chuyển nợ quá hạn gốc: 21/05/2018. Dư nợ gốc hiện tại: 1.300.000.000đồng. Nợ lãi vay tính đến hết ngày 03/8/2022: là 826.983.068 đồng (trong đó nợ lãi trong hạn là 124.547.123 đồng, nợ lãi quá hạn là 702.435.945 đồng).

Để bảo đảm cho khoản nợ vay nói trên bà Phùng Thị A đã thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/9879928/HĐBĐ ngày 13/06/2017 được công chứng ngày 19/6/2017 tại Văn phòng Công chứng Xuân Hiệp; địa chỉ: 157 Trường Chinh, phường Trà Bá, thành phố P, tỉnh Gia Lai, số công chứng 1054, quyển số 05/VP/CC-SCC/HĐGD và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai - Chi nhánh huyện C ngày 20/6/2017; cụ thể như sau:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 33a.1, tờ bản đồ số 21, diện tích 948m^2 đất ở và đất trồng cây lâu năm, tại Thôn T, xã I, huyện C tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BI 707536 do UBND huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 29/05/2012 cho bà Phùng Thị A.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 81, diện tích 38.215m^2 đất trồng cây lâu năm tại Thôn 03, xã P, huyện C, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: AĐ 066284 do UBND huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 14/11/2006 cho bà Phùng Thị A.

Từ ngày vay đến ngày 04/5/2018 bà A đã trả được tiền nợ lãi là 114.257.534 đồng, sau đó không trả nữa. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam đã nhiều lần mời bà Phùng Thị A đến làm việc đề nghị thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nhưng không đạt kết quả. Do vậy, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc bà Phùng Thị A thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi vay còn nợ cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (thông qua Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Nam Gia Lai, địa chỉ: 117 đường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai), tính đến ngày xét xử (03/8/2022) số tiền là: nợ gốc: 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng),

nợ lãi là: 826.983.068 đồng - 114.257.534 đồng = 712.725.534 đồng. *Tổng cộng: 2.012.725.534 đồng (Hai tỷ không trăm mười hai triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm ba mươi bốn đồng).*

Ngoài ra, buộc bà Phùng Thị A phải trả lãi vay và phí trả chậm phát sinh từ ngày 03/8/2022 đến ngày thanh toán hết nợ vay cho Ngân hàng. Trong trường hợp bà Phùng Thị A không thanh toán dứt điểm ngay toàn bộ số nợ gốc và lãi vay hiện còn nợ, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam đề nghị phát mại toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/9879928/HĐBĐ ngày 13/06/2017 để thu hồi nợ.

2. Đối với bị đơn là bà Phùng Thị A, mặc dù Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng bà A vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, bà A không có lời khai tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, bà A vẫn vắng mặt đến lần thứ hai, do vậy Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

*Tại phiên tòa, đại diện hợp lệ theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng BIDV, buộc bà Phùng Thị A phải trả cho Ngân hàng BIDV- thông qua Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Nam Gia Lai số tiền nợ vay tính đến ngày 03/8/2022 tổng cộng là: 2.012.725.534 đồng (Hai tỷ không trăm mười hai triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm ba mươi bốn đồng), (trong đó nợ gốc là: 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng), nợ lãi là: 712.725.534 đồng (Bảy trăm mười hai triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm ba mươi bốn đồng)), đồng thời phải trả lãi phát sinh đến thời điểm xử lý xong nợ vay.

Trong trường hợp bà Phùng Thị A không trả được nợ cho Ngân hàng BIDV, đề nghị xử lý các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản số 01/2017/9879928/HĐBĐ ngày 13/06/2017 được công chứng ngày 19/6/2017 tại Văn phòng Công chứng Xuân Hiệp; địa chỉ: 157 Trường Chinh, phường Trà Bá, thành phố P, tỉnh Gia Lai, số công chứng 1054, quyển số 05/VP/CC-SCC/HĐGD để thu hồi nợ.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Ngân hàng BIDV khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là bà Phùng Thị A theo thỏa thuận của các bên khi ký kết tại điểm b Điều 9 Hợp đồng tín dụng số 01/2017/9879928/HĐTD ngày 20/06/2017 về Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, nên căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/9879928/HĐTD ngày 20/06/2017 Ngân hàng BIDV- chi nhánh Nam Gia Lai cho bà Phùng Thị A vay số tiền gốc: 1.300.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm triệu đồng*); Thời hạn vay vốn: 11 tháng (ngày giải ngân: 20/06/2017, ngày trả nợ gốc: 20/05/2018); Mục đích vay vốn: mua bán hàng phân bón; Lãi suất: 9,5%/năm, được cố định đến hết ngày 31/8/2017, từ ngày 01/9/2017 trở đi lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất FTP bán vốn kỳ hạn 11 tháng do Hội sở chính Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) thông báo, cộng thêm phí Ngân hàng là 3,3%/năm; lãi quá hạn 120% lãi suất trong hạn; lãi chậm trả: 10%/năm. Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên là tự nguyện, phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng nên hợp pháp.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà A vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 21/5/2018 đến nay toàn bộ số nợ vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Do bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng BIDV khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phùng Thị A phải trả toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 03/8/2022 là: 2.012.725.534 đồng (Hai tỷ không trăm mười hai triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm ba mươi bốn đồng), (trong đó nợ gốc là: 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng), nợ lãi là: 712.725.534 đồng (Bảy trăm mười hai triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm ba mươi bốn đồng), đồng thời phải trả lãi phát sinh đến thời điểm xử lý xong nợ vay.

Xét, hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp, nên phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Nhưng vì bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ tuyên buộc Phùng Thị A phải trả cho Ngân hàng BIDV toàn bộ số tiền nợ vay tính đến ngày 03/8/2022 là: 2.012.725.534 đồng (Hai tỷ không trăm mười hai triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm ba mươi bốn đồng), (trong đó nợ gốc là: 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng), nợ lãi là: 712.725.534 đồng (Bảy trăm mười hai triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm ba mươi bốn đồng), đồng thời phải trả lãi phát sinh đến thời điểm xử lý xong nợ vay.

[3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của Hợp đồng vay tiền, bà A đã thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/9879928/HĐBĐ ngày 13/06/2017. Việc thế chấp tài sản thể hiện ý chí của các bên khi giao kết hợp đồng, bà A dùng tài sản của mình là nhằm đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Hợp đồng thế chấp nêu trên đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Do đó, quá trình thi hành án, nếu bà A không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp mà bà A đã thế chấp để thu hồi nợ.

[4] Về chí phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Buộc Ngân hàng BIDV phải chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 4.500.000 đồng.

[5] Về chí phí xem xét thẩm định:

- Buộc bà Phùng Thị A phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định là 4.000.000đồng. Do Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam đã nộp tạm ứng và chi xong nên bà Phùng Thị A phải hoàn trả lại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam- thông qua Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Nam Gia Lai số tiền 4.000.000 đồng.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định. Nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 180, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 274, 275, 277, 317, 323, 463, 466 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam.

1.1. Buộc bà Phùng Thị A phải trả cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - thông qua Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Nam Gia Lai số tiền nợ tổng cộng là: 2.012.725.534 đồng (Hai tỷ không trăm mười hai triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm ba mươi bốn đồng), (trong đó nợ gốc là: 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng), nợ lãi là: 712.725.534 đồng (Bảy trăm mười hai triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm ba mươi bốn đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng

số 01/2017/9879928/HĐTD ngày 20/06/2017 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

1.2. Trong trường hợp bà Phùng Thị A không trả nợ hoặc trả không hết số tiền nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam thì Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - thông qua Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Nam Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/9879928/HĐBĐ ngày 13/06/2017 được công chứng ngày 19/6/2017 tại Văn phòng Công chứng Xuân Hiệp; địa chỉ: 157 Trường Chinh, phường Trà Bá, thành phố P, tỉnh Gia Lai, số công chứng 1054, quyển số 05/VP/CC-SCC/HĐGD và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai - Chi nhánh huyện Cngày 20/6/2017. Tài sản thế chấp là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 33a.1, tờ bản đồ số 21, diện tích 948m^2 đất ở và đất trồng cây lâu năm, tại Thôn T, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BI 707536 do UBND huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 29/05/2012 cho bà Phùng Thị A.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 81, diện tích 38.215m^2 đất trồng cây lâu năm tại Thôn 03, xã P, huyện C, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: AĐ 066284 do UBND huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 14/11/2006 cho bà Phùng Thị A.

1.3. Sau khi xử lý các tài sản thế chấp mà không đủ để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam thì bà Phùng Thị A phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả các khoản tiền cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam.

2. Về chí phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Buộc Ngân hàng Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam phải chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 4.500.000 đồng (đã nộp đủ).

3. Về chi phí xem xét thẩm định và đo đạc:

Bà Phùng Thị A phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc là 4.000.000 đồng. Do Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam đã nộp tạm ứng và chi xong nên bà Phùng Thị A phải hoàn trả lại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam- thông qua Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Nam Gia Lai số tiền 4. 000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí sơ thẩm:

Buộc bà Phùng Thị A phải chịu 72.254.511 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 34.546.000 đồng theo biên lai số 0012154 ngày 16/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án sơ thẩm được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a , 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Đương sự;
Lưu VT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đoàn Thị Thanh Hà